TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số 15/2024/HNGĐ - ST
Ngày 26/4/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Kim Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Đời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà - Số B H, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HPT ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn F, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chổ ở: 2 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

* *Bị đơn*: Ông Phan Minh P, sinh năm 1994. Nơi cư trú: số I T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Phan Minh P kết hôn vào ngày 06/9/2019. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy đăng ký kết hôn số 137 ngày 06/9/2019). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với gia đình chồng tại số I T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 06/9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống hai vợ chồng không phù hợp, ông Phan Minh P ăn chơi, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và ông Phan Minh P đánh đập tôi. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định không còn yêu thương ông Phan Minh P nữa nên xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: tôi và ông Phan Minh P có 01 con chung là Phan Anh K, sinh ngày: 11/6/2019. Ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi con Phan Anh K. Trước đây tôi yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên toà tôi không yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tôi và ông Phan Minh P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: tôi và ông Phan Minh P không có nợ chung.

* Ông Phan Minh P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong trong quá trình tố tụng và ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Phan Minh P liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Nguyễn Thị S đối với ông Phan Minh P.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con chung Phan Anh K, sinh ngày 11/6/2019 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi.

Trước đây bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên toà bà thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con nên ông Phan Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị S xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Phan Minh P lại vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Nguyễn Thị S đối với ông Phan Minh P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Phan Minh P vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị S và ông Phan Minh P kết hôn kết hôn vào ngày 06/9/2019. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy đăng ký kết hôn số 137 ngày 06/9/2019). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Phan Minh P vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông nhưng qua xác minh tại địa phương được biết mặc dù tổ dân phố chưa phải hoà giải mâu thuẫn gì lớn giữa vợ chồng ông bà nhưng thực tế ông bà đã sống ly thân nhau, không còn chung sống với nhau tại nhà bố mẹ ông Phan Minh P nữa; điều này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị S về việc ông bà đã sống ly thân nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng để hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà có cơ hội cải thiện tình cảm nhưng ông Phan Minh P thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông Phan Minh P không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, việc ông bà chọn giải pháp sống ly thân đã chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Thị S và ông Phan Minh P có 01 con chung là Phan Anh K, sinh ngày: 11/6/2019. Ly hôn, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị S là được nuôi con Phan Anh K. Trước đây bà yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng

cho đến khi con Phan Anh K đủ 18 tuổi nhưng tại phiên toà bà thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con nữa.

[3.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc nuôi con thì thấy, cháu Phan Anh K đang còn nhỏ, rất cần sự gần gũi, chăm sóc của mẹ; ông Phan Minh P thì vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không xác định được nguyện vọng của ông P về việc nuôi con. Vì vậy nếu giao con cho ông Phan Minh P nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con. Do đó, HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phan Anh K cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Phan Anh K đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3.2] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Trước đây bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên toà bà thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông Phan Minh P cấp dưỡng nuôi con nên ông Phan Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị S xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Phan Minh P thì vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị S đã nộp tại biên lai thu số 0001770 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S đối với ông Phan Minh P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phan Minh P (Giấy đăng ký kết hôn số 137 do Ủy ban Nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/9/2019).

2. Về con chung: Giao con chung Phan Anh K cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Phan Anh K đủ 18 tuổi.

Ông Phan Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị S đã nộp tại biên lai thu số 0001770 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát quận Sơn Trà;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*